

Bản án số: 56/2024/KDTM-ST

Ngày: 30/9/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Du.

2/ Ông Đặng Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Cao Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2024/KDTM-ST ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-KDTM ngày 28/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa 43/2024/QĐST-KDTM ngày 13/9/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Sản xuất Hưng Đ; địa chỉ: Thửa đất số A, tờ bản đồ số B, đường D6, Cụm công nghiệp Phú C, phường Phú C, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương.

1.1 Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Thái Thanh H, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: Tổ D, khu phố E, phường Uyên H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Văn phòng Luật sư Thái Thanh H, Đường số D, tổ E, khu phố F, phường Uyên H, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Sản xuất Hưng Đ (Văn bản ủy quyền ngày 25/01/2024). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

1.2 Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Thành D, Văn phòng luật sư Thái Thanh H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình dương. Có mặt

2. Bị đơn: Công ty TNHH K; địa chỉ: Thửa đất số H, tờ bản đồ số L, một phần lô CN7, đường N, Khu công nghiệp S, phường Phú T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Li, Y - chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH K. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Hưng Đ và quá trình giải quyết vụ án, ông Thái Thanh H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 01/10/2022, Công ty TNHH Sản xuất Hưng Đ và Công ty TNHH K tiến hành ký kết Hợp đồng sản xuất và mua bán hàng hoá số KR-HĐ/202260/HĐMB. Hàng hóa mà Công ty Hưng Đ bán cho Công ty K là “tất cả lò xo hình chữ S, các lò xo túi cho ghế sofa và linh kiện phục vụ cho ngành sofa”, theo đơn đặt hàng của Công ty K. Vào các ngày từ 20 đến 25 hàng tháng, hai công ty phải đối chiếu nợ trong tháng và Công ty Hưng Đ xuất hóa đơn cho Công ty K. Trước ngày 15 của tháng tiếp theo, Công ty K phải thanh toán hết tiền hàng của tháng trước đó.

Thực hiện hợp đồng nêu trên, từ tháng 10/2022 đến hết tháng 05/2023, Công ty Hưng Đ đã sản xuất, bán và giao hàng đầy đủ cho Công ty K, chốt nợ cuối tháng và đã xuất hoá đơn giá trị gia tăng điện tử gửi cho Công ty K đúng theo thỏa thuận tại hợp đồng. Nợ tiền mua hàng hóa của Công ty K đối với Công ty Hưng Đ được xác định qua các Hóa đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền là 1.482.371.528 đồng, cụ thể như sau:

- Nợ tiền mua hàng hóa tháng 10/2022, theo Hóa đơn số 126 ngày 29/10/2022 là 156.785.200 đồng.
- Nợ tiền mua hàng hóa tháng 11/2022, theo Hóa đơn số 143 ngày 23/11/2022 là 349.679.000 đồng;
- Nợ tiền mua hàng hóa tháng 12/2022, theo Hóa đơn số 169 ngày 22/12/2022 là 272.008.704 đồng ;
- Nợ tiền mua hàng hóa tháng 02/2023 theo Hóa đơn số 31 ngày 27/02/2023 là 347.963.616 đồng;
- Nợ tiền mua hàng hóa tháng 03/2023 theo Hóa đơn số 50 ngày 24/03/2023 là 224.080.384 đồng;
- Nợ tiền mua hàng hóa tháng 04/2023 theo Hóa đơn số 84 ngày 27/04/2023 là 95.554.624 đồng;
- Nợ tiền mua hàng hóa tháng 05/2023 theo Hóa đơn số 107 ngày 27/05/2023 là 36.300.000 đồng.

Tuy nhiên, Công ty K chỉ mới thanh toán cho Công ty Hưng Đ số tiền là 400.000.000 đồng, trong đó: thanh toán cho Hóa đơn số 126 ngày 29/10/2022 số tiền 156.785.200 đồng vào ngày 28/02/2023; thanh toán một phần khoản nợ của Hóa đơn số 143 ngày 23/11/2022 số tiền 43.214.800 đồng vào ngày 28/02/2023, 100.000.000 đồng vào ngày 21/04/2023, 100.000.000 đồng vào ngày 30/06/2023. Khoản nợ còn lại của Hóa đơn số 143 mà Công ty Hưng Đ xuất cho Công ty K ngày 23/11/2022 là 106.464.200 đồng. Tổng số tiền nợ gốc còn lại theo các Hóa đơn xuất từ tháng 11/2022 đến hết tháng 05/2023 là 1.082.371.528 đồng. Từ tháng 06/2023 đến nay, Công ty K không thanh toán số tiền nợ còn lại cho Công ty Hưng Đ.

Nay Công ty TNHH Sản xuất Hưng Đ khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH K thanh toán số tiền mua hàng còn nợ là 1.082.371.528 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày phát sinh nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, mức lãi

suất 13,75%/năm (tương ứng 1,145%/tháng), tạm tính là 233.961.401 đồng. Tổng cộng số tiền yêu cầu là 1.316.332.929 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty TNHH K tại địa chỉ trụ sở chính của công ty, lý do tại địa chỉ Thửa đất số H, tờ bản đồ số L, một phần lô CN7, đường N, Khu công nghiệp S, phường Phú T, thành phố T, tỉnh Bình Dương không có Công ty TNHH K hoạt động. Theo Công văn số 478/ĐKKD ngày 03/4/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương, xác định Công ty TNHH K đăng ký lần đầu ngày 04/12/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 08/11/2023; địa chỉ trụ sở chính tại Thửa đất số H, tờ bản đồ số L, một phần lô CN7, đường N, Khu công nghiệp S, phường Phú T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; người đại diện theo pháp luật là ông Li, Y - chức vụ: Giám đốc. Đồng thời, theo kết quả xác minh tại Công an phường Phú Tân xác định Công ty TNHH K không còn hoạt động tại địa chỉ Thửa đất số H, tờ bản đồ số L, một phần lô CN7, đường N, Khu công nghiệp S, phường Phú T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tòa án đã thông báo cho nguyên đơn cung cấp địa chỉ mới của bị đơn, nhưng nguyên đơn không cung cấp được.

Do đó, Tòa án nhân dân thành phố T tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với Công ty TNHH K. Tuy nhiên, bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Quá trình giải quyết, nguyên đơn xác định vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 1.316.332.929 đồng, bao gồm nợ gốc là 1.082.371.528 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 30/9/2024 là 233.961.401 đồng. Đồng thời, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - Luật sư Lê Thành D trình bày: Ngày 01/10/2022, Công ty TNHH Sản xuất Hưng Đ và Công ty TNHH K ký kết Hợp đồng sản xuất và mua bán hàng hóa số KR-HĐ/202260/HĐMB về việc Công ty TNHH Sản xuất Hưng Đ sản xuất và cung cấp cho Công ty TNHH K hàng hóa là tất cả lò xo hình chữ S, các lò xo túi cho ghế sofa và linh kiện phục vụ cho ngành sofa, theo các đơn đặt hàng của Công ty TNHH K. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Hưng Đ đã tiến hành giao hàng, xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty TNHH K đúng theo thỏa thuận của các bên. Tuy nhiên, Công ty TNHH K đã không thực hiện thanh toán tiền hàng cho Công ty Hưng Đ. Tại Công văn số 04/KAIRUI ngày 25/7/2024 của Công ty TNHH K về việc giải trình mua bán với Công ty Hưng Đ gửi cho Cục Thuế tỉnh Bình Dương, Công ty TNHH K thừa nhận số tiền hàng còn nợ chưa thanh toán cho Công ty Hưng Đ là 810.362.824 đồng. Đối với Hóa đơn số 169 ngày 22/12/2022 thì bị đơn không thừa nhận. Phía nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án đầy đủ các đơn đặt hàng, các phiếu giao nhận hàng hóa xác định Công ty TNHH K đã nhận hàng hóa theo đúng số lượng, giá trị ghi nhận trên Hóa đơn số 169 ngày 22/12/2022. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 1.316.332.929 đồng, bao gồm nợ gốc là 1.082.371.528 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 30/9/2024 là 233.961.401 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật, Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Hưng Đ Phát đối với bị đơn với Công ty TNHH K về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Hưng Đ yêu cầu bị đơn Công ty TNHH K thanh toán tổng số tiền là 1.316.332.929 đồng từ việc mua bán hàng hóa, bao gồm nợ gốc là 1.082.371.528 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 233.961.401 đồng. Từ nội dung tranh chấp nêu trên, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại.

1.2. Về thẩm quyền: Do bị đơn Công ty TNHH K có địa chỉ trụ sở chính tại Thửa đất số H, tờ bản đồ số L, một phần lô CN7, đường N, Khu công nghiệp S, phường Phú T, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

1.3. Về việc tham gia của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Hưng Đ do ông Thái Thanh H là người đại diện theo ủy quyền có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn Công ty TNHH K do ông Li, Y là người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Hợp đồng sản xuất và mua bán hàng hóa số KR-HĐ/202260/HĐMB ngày 01/10/2022 giữa Công ty TNHH Sản xuất Hưng Đ và Công ty TNHH K được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại. Do đó, hợp đồng có giá trị thi hành đối với các bên.

[3] Về số tiền nợ gốc:

[3.1] Nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Hưng Đ yêu cầu bị đơn Công ty TNHH K thanh toán số tiền gốc còn nợ là 1.082.371.528 đồng. Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn xuất trình để khởi kiện bị đơn là các Hóa đơn số 126 ngày 29/10/2022; Hóa đơn số 143 ngày 23/11/2022; Hóa đơn số 169 ngày 22/12/2022; Hóa đơn số 31 ngày 27/02/2023; Hóa đơn số 50 ngày 24/3/2023; Hóa đơn số 84 ngày 27/4/2023; Hóa đơn số 107 ngày 27/5/2023. Công ty TNHH Sản xuất Hưng Đ xác định tổng số tiền Công ty TNHH K phải thanh toán qua các Hóa đơn giá trị gia tăng nêu trên là 1.482.371.528 đồng. Công ty TNHH K đã thanh toán 400.000.000 đồng, còn nợ lại số

tiền là 1.082.371.528 đồng thì ngưng đến nay vẫn không thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất Hưng Đ, dẫn đến hai bên phát sinh tranh chấp.

[3.2] Về phía bị đơn Công ty TNHH K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để xác định việc bị đơn đã thực hiện một phần hay toàn bộ nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền nguyên đơn khởi kiện. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.3] Qua xem xét Công văn số 3046/CTBDU-TTKT2 ngày 05/8/2024 về việc cung cấp thông tin kê khai thuế của doanh nghiệp do Cục Thuế tỉnh Bình Dương cung cấp; Công văn số 04/KAIRUI ngày 25/7/2024 của Công ty TNHH K về việc giải trình mua bán với Công ty Hưng Đ gửi cho Cục Thuế tỉnh Bình Dương, xác định Công ty TNHH Kairui Internation có thực hiện việc mua bán hàng hóa với Công ty TNHH Sản xuất Hưng Đ. Sau khi nhận hàng hóa, hóa đơn từ Công ty Hưng Đ thì Công ty TNHH K đã tiến hành kê khai thuế đối với các Hóa đơn với số tiền như sau: Hóa đơn số 126 ngày 29/10/2022 là 156.785.200 đồng; Hóa đơn số 143 ngày 23/11/2022 là 349.679.000 đồng ; Hóa đơn số 31 ngày 27/02/2023 là 347.963.616 đồng; Hóa đơn số 50 ngày 24/3/2023 là 224.080.384 đồng; Hóa đơn số 84 ngày 27/4/2023 là 95.554.624 đồng; Hóa đơn số 107 ngày 27/5/2023 là 36.300.000 đồng. Tổng giá trị hàng hóa Công ty TNHH K đã nhận từ Công ty Hưng Đ bao gồm thuế giá trị gia tăng là 1.210.362.824 đồng. Công ty TNHH K đã thanh toán cho Công ty Hưng Đ số tiền là 400.000.000 đồng. Như vậy, qua sự thừa nhận của bị đơn về giá trị hàng hóa đã nhận, về số tiền đã thanh toán cho nguyên đơn, có đủ căn cứ xác định số tiền hàng bị đơn còn nợ đến nay vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn theo các hóa đơn nêu trên là 810.362.824 đồng.

[3.4] Đối với tiền hàng theo Hóa đơn số 169 ngày 22/12/2022 với số tiền 272.008.704 đồng do nguyên đơn cung cấp thì Công ty TNHH K xác định không kê khai thuế và không ghi nhận chi phí của hóa đơn này. Quá trình giải quyết, Tòa án đã ra thông báo về việc yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ đối với nguyên đơn. Phía nguyên đơn đã cung cấp bản giải trình chi tiết về việc đặt hàng, giao nhận hàng hóa giữa nguyên đơn và bị đơn theo Hóa đơn số 169 ngày 22/12/2022. Đồng thời, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện các đơn đặt hàng, các phiếu giao nhận hàng có ký nhận của Công ty TNHH K có sự tương ứng về hàng hóa, số lượng, đơn giá, tổng giá trị hàng hóa hai bên mua bán theo Hóa đơn số 169 ngày 22/12/2022. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định có việc nguyên đơn giao hàng và bị đơn nhận hàng theo số lượng, giá trị hàng hóa ghi nhận tại Hóa đơn số 169 ngày 22/12/2022.

[3.5] Xét thấy, bị đơn đã nhận hàng hóa của nguyên đơn giao, ký nhận hàng tại các phiếu giao hàng do nguyên đơn lập xác nhận khối lượng hàng hóa đã nhận. Nguyên đơn đã xuất các hóa đơn giá trị gia tăng với bị đơn. Việc bị đơn không thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn là đã vi phạm thỏa thuận của các bên về thời hạn thanh toán và vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên mua quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền mua hàng còn nợ là 1.082.371.528 đồng là có căn cứ chấp nhận, phù hợp quy định tại các Điều 50, 55 của Luật Thương mại.

[4] Về tiền lãi chậm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả tính từ ngày phát sinh nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất là 13,75%/năm (tương ứng 1,145%/tháng), số tiền lãi yêu cầu là 233.961.401 đồng.

Xét thấy, tại Hợp đồng sản xuất và mua bán hàng hoá số KR-HĐ/202260/HĐMB ngày 01/10/2022, các bên thỏa thuận vào các ngày từ 20 đến 25 hàng tháng, hai công ty phải tiến hành đối chiếu công nợ trong tháng và Công ty Hưng Đ xuất hoá đơn cho Công ty K. Trước ngày 15 của tháng tiếp theo, Công ty K phải thanh toán hết tiền hàng của tháng trước đó cho Công ty Hưng Đạt. Tuy nhiên, Công ty K đã không thanh toán đúng theo thỏa thuận cho Công ty Hưng Đạt. Cho nên, ngoài việc trả nợ gốc thì bị đơn còn phải trả lãi do chậm thanh toán cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại; Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Đối với mức lãi suất và thời gian yêu cầu tính lãi mà nguyên đơn đưa ra là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 233.961.401 đồng.

[5] Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc là 1.082.371.528 đồng và tiền lãi là 233.961.401 đồng, tổng cộng là 1.316.332.929 đồng.

[6] Ý kiến của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[8] Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266, 267 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 24, 50, 55, 306 của Luật Thương mại;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Hưng Đ đối với bị đơn Công ty TNHH K về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Công ty TNHH K có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất Hưng Đ tổng số tiền là 1.316.332.929 đồng (Một tỷ ba trăm mười sáu triệu ba trăm ba mươi hai nghìn chín trăm hai mươi chín đồng); trong đó: số tiền nợ gốc là

1.082.371.528 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi hai triệu ba trăm bảy mươi một nghìn năm trăm hai mươi tám đồng) và tiền lãi chậm thanh toán là 233.961.401 đồng (Hai trăm ba mươi ba triệu chín trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm lẻ một đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về lệ phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng: Công ty TNHH Sản xuất Hưng Đ phải chịu 3.485.237 đồng (Ba triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Tòa án.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH K phải nộp số tiền 51.490.000 đồng (Năm mươi một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T hoàn trả cho Công ty TNHH Sản xuất Hưng Đ số tiền 25.373.000 đồng (Hai mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số BLTU/23-0004311 ngày 07/3/2024.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Chung